TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2018/HNGĐ - ST
Ngày 20 - 9 - 2018
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Tấn Liêm**

Ông **Bùi Hữu Khánh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị T** – sinh năm 1977 (Có mặt)
Cư trú tại: Ấp C, Xã T, Huyện C, Tỉnh CM
- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hiền D** – sinh năm 1972 (Vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp C, Xã T, Huyện C, Tỉnh CM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa chị Huỳnh Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Hiền D kết hôn vào năm 2005 không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn là do bất đồng về quan điểm nên vợ chồng thường hay cự cải, anh D không có trách nhiệm với gia đình, thời gian gần đây anh D đã có người phụ nữ khác. Nay chị xét thấy tình cảm gia đình không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hiền D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Th và anh D có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2007, con đang sống với chị Th. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng

con cho đến khi thành niên, chị Th yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ riêng: Chị Th trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Hiền D là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Nguyễn Hiền D có địa chỉ cư trú tại Ấp C, Xã T, Huyện C, Tỉnh CM Do đó Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Th và anh D kết hôn năm 2005, nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì chị Huỳnh Thị T có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Th đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên anh Nguyễn Hiền D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện C không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh D.

Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Hiền D không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh D không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án tuyên bố không công nhận chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Hiền D là vợ chồng.

Về con chung: Chị Th xác định vợ chồng có với nhau được 01 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh năm 2007. Hiện con đang sống với chị Th. Sau khi ly hôn chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Mặt khác cháu H hiện tại đang sống với chị Th và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Tòa án xem xét nguyện vọng của các con mà giao cho người vợ

hay người chồng trực tiếp nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 7 năm 2018 đối với cháu H của Tòa án nhân dân huyện C thì cháu H có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, đây là ý chí tự nguyện của cháu H là con của chị Th và anh D nên Tòa án chấp nhận. Giao cháu Nguyễn Minh H, sinh năm 2007 cho Chị Huỳnh Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chị Th yêu cầu anh D phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu của chị Th là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định chị và anh D không có tài sản, cũng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Th và anh D có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Th và anh D đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị Huỳnh Thị T phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Huỳnh Thị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004525 ngày 18 tháng 6 năm 2018. Chị Huỳnh Thị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hiền D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố chị **Huỳnh Thị T** và anh **Nguyễn Hiền D** không phải là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Minh H**, sinh năm 2007 cho Chị Huỳnh Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Hiền D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Minh H tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D không thi hành thì anh D còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định chị và anh D không có tài sản, cũng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Th và anh D có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Th và anh D đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Chị Huỳnh Thị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004525 ngày 18 tháng 6 năm 2018. Chị Huỳnh Thị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Buộc anh Nguyễn Hiền D phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hiền D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh CM;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Khiết